

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC THỦY LỢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **545** /TCTL-NN

Hà Nội, ngày **24** tháng 04 năm 2019

V/v cung cấp thông tin Chương trình
Nước sạch & VSNT dựa trên kết quả
tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng

UBND TỈNH THANH HÓA

CÔNG VĂN ĐẾN

Số:.....**13.0.6.9**.....

Ngày:..**25**..**4**..**19**..

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội,
Hà Nam, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc,
Bắc Ninh, Phú Thọ, Hưng Yên.

Theo đề nghị của Ngân hàng thế giới tại biên bản ghi nhớ Đoàn hỗ trợ thực hiện Chương trình tháng 3 năm 2019 về việc cung cấp cho Ngân hàng thế giới số liệu phục vụ cho việc xây dựng báo cáo đánh giá nội bộ thực hiện Chương trình Nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng (Chương trình PforR), Tổng cục Thủy lợi đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị liên quan cung cấp các thông tin theo đề nghị của Ngân hàng thế giới. *(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

Thông tin, tài liệu, số liệu tổng hợp đề nghị gửi về Tổng cục Thủy lợi. Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội. Điện thoại: 0243.7347625. Email: nuocsachtctl@gmail.com trước ngày **20/5/2019** để tổng hợp gửi WB.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm và chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCT. Nguyễn Văn Tinh (để b/c);
- Ngân hàng Thế giới (để p/h);
- Lưu: VT, NN. **(15)**.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Đỗ Văn Thành



Phụ lục 1 - Tổng ngân sách Chính phủ và ngân sách Chương trình
(Kèm theo công văn số **545**/TCTL-NN, ngày **24**/4/2019 của Tổng cục Thủy lợi)

Đơn vị tính: Triệu USD

Nguồn vốn	2013			2014			2015			2016			2017			2018		
	Tổng ngân sách nhà nước*	Chương trình PforR 8 tỉnh		Tổng ngân sách nhà nước*	Chương trình PforR 8 tỉnh		Tổng ngân sách nhà nước*	Chương trình PforR 8 tỉnh		Tổng ngân sách nhà nước*	Chương trình PforR 8 tỉnh		Tổng ngân sách nhà nước*	PforR 8 tỉnh		Tổng ngân sách nhà nước*	PforR 8 tỉnh	
		Số tiền được phân bổ	%		Số tiền được phân bổ	%		Số tiền được phân bổ	%		Số tiền được phân bổ	%		Số tiền được phân bổ	%		Số tiền được phân bổ	%
Trung ương																		
Tín dụng ưu đãi																		
Tỉnh																		
Nhà tài trợ																		
Đóng góp của người sử dụng																		
vốn của tư nhân																		
Các nguồn ngân sách khác																		
Tổng																		

* Ngân sách nhà nước bao gồm tất cả các nguồn được đầu tư cho cấp nước và vệ sinh nông thôn

**Phụ lục 2: Phân bổ ngân sách từ chương trình NTP3 và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
cho nước sạch và vệ sinh nông thôn**

(Kèm theo công văn số 545/TCTL-NN, ngày 24/4/2019 của Tổng cục Thủy lợi)

Nội dung	2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018	
	Kế hoạch	Phân bổ	Kế hoạch	Phân bổ	Kế hoạch	Phân bổ	Kế hoạch	Phân bổ	Kế hoạch	Phân bổ	Kế hoạch	Phân bổ	Kế hoạch	Phân bổ	Kế hoạch	Phân bổ
Chương trình MTQG Nước sạch & VSMTNT (Chương trình NTP3)																
Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới																
Chương trình PforR 8 tỉnh																

Số tỉnh được hưởng lợi từ NTP3 và NRD

Bao nhiêu người được hưởng lợi từ cơ sở hạ tầng và dịch vụ cấp nước ở tất cả các tỉnh nhận hỗ trợ từ quỹ NTP3 và NRD tính từ 2013 đến 2018 (nếu có, tỉnh nào ở Đồng bằng sông Hồng (RRD) nhận được vốn từ ngân sách NRD hoặc NTP3 cũng được tính đến)? số liệu này được so sánh với số người hưởng lợi từ chương trình PforR 8 tỉnh!

Tỷ lệ số người được tiếp cận với dịch vụ cấp nước và vệ sinh được cải thiện và duy trì ở các tỉnh mà nhận được hỗ trợ từ quỹ NTP3 và NRD từ năm 2013 đến 2018 (nếu tỉnh nào của trong RRD nhận được hỗ trợ từ quỹ NRD hoặc NTP3 cũng tính đến ở đây)? số liệu này sẽ được so sánh với số người hưởng lợi từ dự án RRD PforR

Số người nghèo được sử dụng dịch vụ cấp nước và vệ sinh cải thiện và bền vững ở tất cả các tỉnh mà nhận được hỗ trợ từ NTP3 và NRD từ năm 2013 đến 2018 (nếu các tỉnh RRD nhận được hỗ trợ từ quỹ NRD hoặc NTP3 có tính đến)?

Số phụ nữ được tiếp cận với cấp nước và vệ sinh được cải thiện và duy trì ở tất cả các tỉnh mà nhận được hỗ trợ từ NTP3 và NRD từ năm 2013 đến 2018 (nếu các tỉnh RRD nhận được hỗ trợ từ quỹ NRD hoặc NTP3 cũng tính đến ở đây)?

Số kế hoạch đầu tư được xây dựng và thực hiện ngoài RRD PforR

Phụ 3: Tình hình thực hiện Chương trình PforR
(Kèm theo công văn số 545/TCTL-NN, ngày 24/4/2019 của Tổng cục Thủy lợi)

Nội dung	Trước khi có Chương trình PforR	Sau khi có Chương trình PforR
Mô tả quá trình lập kế hoạch, chuẩn bị kế hoạch hàng năm cho việc đầu tư, số công trình được đầu tư, thiết kế công trình cấp nước,...		
Lập ngân sách cho kế hoạch đầu tư hàng năm, cho các công trình cấp nước, các hoạt động vệ sinh,...		
Trong quá trình lập kế hoạch, số công trình cạnh tranh có tăng lên không? Và các hợp đồng theo chương trình PforR có rẻ hơn/ đắt hơn không và tại sao? Quá trình hợp đồng theo PforR có nhanh hơn so với các quy trình thông thường không? Nếu có, nhanh như thế nào (bao nhiêu tháng hoặc bao nhiêu ngày nhanh hơn)? và các tỉnh được hỗ trợ theo chương trình nông thôn mới NRD có học được gì từ quy trình này không?		
Khi lập kế hoạch các công trình cấp nước, nhu cầu được tính đến như thế nào? Các đối tượng hưởng lợi có tham gia vào trong quá trình lập kế hoạch và thiết kế không? Họ có đóng góp trước cho xây dựng các công trình cấp nước không. ...?		
Trung bình, thời gian xây dựng công trình cấp nước mất bao lâu?		
Việc xem xét về vấn đề giới có được tính đến như thế nào? có tham vấn các nhóm bị tổn thương trước và sau khi lập thiết kế công trình cấp nước không? các nhóm bị tổn thương được tham vấn về tiền nước phải trả không? Trong tất cả các công trình cấp nước được xây dựng, các đối tượng hưởng lợi có đóng góp trước cho việc xây dựng không?		

Phụ lục 4: Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình PforR
(Kèm theo công văn số 545/TCTL-NN, ngày 24/4/2019 của Tổng cục Thủy lợi)

Nội dung	
Báo cáo hợp nhất/cơ sở dữ liệu về tham vấn cộng đồng/ủy thác/đầu thầu/khiếu nại và phản hồi khiếu nại	
Bảng chứng việc lập kế hoạch được cải thiện:	
Cung cấp báo cáo tổng hợp về kế hoạch đầu tư hàng năm được các tỉnh chuẩn bị cho các công trình cấp nước và vệ sinh cho các xã mà được trình lên Bộ Nông nghiệp xin cấp ngân sách (mỗi năm một có một bản kế hoạch tổng hợp các nhu cầu của tất cả các tỉnh)	Cung cấp một kế hoạch tổng hợp trước dự án hoặc cho các tỉnh ngoài dự án và một cho các tỉnh thuộc dự án RRD hoặc trong/sau khi thực hiện dự án
Cung cấp các ví dụ về lập kế hoạch đầu tư/các kế hoạch thiết kế chi tiết cho đầu tư các công trình cấp nước mà chứng minh được sự tiến triển trong kế hoạch dựa trên nhu cầu thực tế dựa trên kết quả thực hiện dự án	Cung cấp ví dụ về thiết kế chi tiết của các công trình cấp nước được lập trước và sau khi thực hiện dự án cho các tỉnh thuộc dự án RRD, mà chứng minh được các tỉnh hiện đang lập kế hoạch các công trình dự trên nhu cầu thực tế. Về điểm này, một kế hoạch đầu tư được cải thiện cho công trình cấp nước của các tỉnh hưởng lợi từ hỗ trợ của NRD sẽ là một minh chứng tốt từ lợi ích mang lại của dự án

(Kèm theo công văn số 545/TCTL-NN,

[illegible]

Phụ lục 5: Các hoạt động giám sát dựa vào giới
(Kèm theo công văn số 545 /TCTL-NN, ngày 24/4/2019 của Tổng cục Thủy lợi)

Cung cấp minh chứng về:	Loại minh chứng
xây dựng năng lực tính để giám sát và đáp ứng kết quả xem xét về giới	Số người được đào tạo, các cuộc tham vấn thực hiện, số kế hoạch được xây dựng và thực hiện thỏa đáng, số công trình được xây dựng và vận hành có tính đến yếu tố đầu vào về giới,...
Giám sát cung cấp dịch vụ phục vụ theo giới ở các tỉnh	Dữ liệu về phần trăm phụ nữ được tiếp cận với cấp nước và vệ sinh được cải thiện, tỷ lệ cung cấp dịch vụ tăng so với trước khi có dự án
Kế hoạch và đầu tư được lập để cải thiện về bao gồm giới trong thực hiện	Các kế hoạch được xây dựng có xem xét cung cấp dịch vụ cho phụ nữ, các khoản đầu tư mà có lợi cho phụ nữ hoặc nữ làm chủ hộ
Có tính đến giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu	Các kế hoạch hoặc hoạt động được thực hiện, ví dụ như gặp gỡ phụ nữ hoặc hiệp hội phụ nữ để nâng cao nhận thức về các tác động của biến đổi khí hậu
Đầu ra và kết quả của chương trình NTP/NRD được phân tách theo giới tính, độ tuổi và đặc điểm xã hội	Cung cấp số liệu về đầu ra và kết quả, như số phụ nữ được hưởng lợi từ NRD/NTP3, số phụ nữ làm chủ hộ được hưởng lợi từ việc cải thiện điều kiện nước và vệ sinh,...
Các cuộc tham vấn được thực hiện để đảm bảo bao gồm giới và tiếng nói của nữ giới được lắng nghe	Số phiên tham vấn được thực hiện, đề xuất/ gợi ý do phụ nữ đưa ra mà được thực hiện hoặc có bao gồm trong quá trình lập kế hoạch ở cấp xã/huyện/tỉnh
Sự tham gia của hội phụ nữ trong cải thiện cung cấp các dịch vụ cho phụ nữ hoặc nữ chủ hộ	Các hành động hội phụ nữ thực hiện mà đóng góp cho sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ trong thực hiện dự án và kết quả dự án
# tham vấn của cộng đồng đối với dân tộc thiểu số	Tổng có bao nhiêu cuộc tham vấn về giới và dân tộc thiểu số được thực hiện

Phụ lục 7: Các thông tin về giảm nghèo

(Kèm theo công văn số 545/TCTL-NN, ngày 24/4/2019 của Tổng cục Thủy lợi)

Cung cấp minh chứng về	Loại minh chứng
Các kế hoạch đầu tư hàng năm bao gồm cung cấp dịch vụ và hỗ trợ cho người nghèo	Các kế hoạch đầu tư bao gồm, ví dụ, các khoản trợ cấp được hỗ trợ dành cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ cấp nước và vệ sinh
Số hộ gia đình/người được hưởng lợi từ trợ cấp cho các đầu nối nước, dịch vụ và công trình vệ sinh	Số (tỷ lệ) người nghèo được tiếp cận với dịch vụ cấp nước và vệ sinh như là kết quả của dự án. cũng vậy, số người tiếp tục sử dụng dịch vụ cấp nước và vệ sinh sau 5 năm thực hiện dự án
Các cuộc tham vấn được thực hiện để đảm bảo có sự tham gia của người nghèo	Số cuộc tham vấn có sự tham gia của người nghèo và nếu có minh chứng về sự tham gia của người nghèo (danh sách tên và xác nhận của trưởng thôn xã rằng những người tham gia đó thực sự là người nghèo)

Phụ lục 8: Các thông tin về cấp nước bền vững
(Kèm theo công văn số 545/TCTL-NN, ngày 24/4/2019 của Tổng cục Thủy lợi)

TT	Danh mục CT cấp nước được xây dựng theo Chương trình PforR	Công suất thiết kế (m3/ngày đêm)	Khối lượng thực tế thực hiện	Tỷ lệ thất thoát nước	Mô hình quản lý được sử dụng	Tỷ lệ thu hồi chi phí (trung bình)	Tỷ lệ khách hàng được	Tỷ lệ khách hàng nhận và thanh	Kiểm tra và tuân thủ chất lượng
1									
2									
3									

Nội dung	Trước PforR	Sau PforR
Các chỉ số bền vững được thu thập		
Tần suất các chỉ số được thu thập		
Trong trường hợp các chỉ số không đáp ứng các tiêu chí bền vững, thì phải có hành động gì?		
Nếu các tiêu chí bền vững không được đáp ứng, có ngân sách nào được phân bổ để cải thiện vấn đề này?		
Đối với các công trình không đáp ứng số đầu nối theo kế hoạch, có các hoạt động truyền thông nào được thực hiện để cải thiện nhu cầu và tiêu dùng không?		

Phụ lục 9: Các thông tin vệ sinh bền vững

Nội dung	
Số xã đạt vệ sinh toàn xã	
Số xã duy trì vệ sinh toàn xã	
Số xã còn duy trì vệ sinh lộ thiên	
Số hộ gia đình nghèo xây dựng nhà vệ sinh từ quỹ hỗ trợ của Chương trình	
Số nhà vệ sinh hộ gia đình được xây dựng thông qua chiến lược truyền thông	